TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 514 /2026/DS-PT
Ngày 05 - 8 - 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Yên

Bà Đinh Cẩm Đào

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Văn Thị Bé Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 299/2026/TLPT-DS ngày 16 tháng 6 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2026/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 441/2026/QĐ-PT ngày 25 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị N, sinh ngày 01/01/1965; Số CCCD: 096165007909, cấp ngày 14/8/2021 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã T, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn:*

Bà Đặng Thị L, sinh ngày 01/01/1961; CCCD số: 083161002637 cấp ngày 09/10/2023 (có mặt).

Ông Nguyễn Minh H, sinh ngày 29/05/1957; CCCD số: 096057006013 cấp ngày 14/08/2021 (có mặt).

Cùng địa cư trú: Ấp N, xã T, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đặng Thị L: Ông Nguyễn Vũ P- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C (có mặt).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Thị N trình bày:

Trước đây bà có cho bà Đặng Thị L và ông Nguyễn Minh H mượn tiền và cho tham gia các dây hụi do bà làm chủ hụi, sau khi kết thúc các dây hụi thì bà có gặp ông H và bà L để chốt nợ hụi và tiền vay. Sau đó hai bên có chốt số tiền nợ mượn và hụi là 393.000.000 đồng, bà mới làm biên nhận nợ vay tiền, ông Nguyễn Minh H có ký tên vào biên nhận. Việc mượn tiền và chơi hụi đã kết thúc, các giấy tờ và ngày tháng mượn tiền, chơi hụi bà không còn nhớ rõ, do hai bên đã chốt nợ bằng biên nhận. Nay bà yêu cầu ông Nguyễn Minh H và bà Đặng Thị L trả số tiền nợ vay theo biên nhận và lãi tính đến ngày 12/6/2025 (18 tháng) là 463.740.000 đồng (trong đó nợ gốc 393.000.000 đồng, lãi 70.740.000 đồng). Tại phiên toà sơ thẩm bà Đỗ Thị N yêu cầu ông H và bà L thanh toán tiền lãi là 50.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà N yêu cầu bị đơn phải trả là 443.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Minh H và bà Đặng Thị L cùng thống nhất trình bày: Ông, bà xác định trước đây vợ chồng ông, bà có tham gia chơi hụi do bà Đỗ Thị N làm chủ, gồm hụi 1.000.000 đồng, vợ chồng ông, bà tham gia 02 chân, ngày mở hụi không nhớ, vợ chồng ông, bà hốt hụi vào ngày 15/9/2020 có làm giấy giao hụi. Ông, bà xác định khi chốt nợ hụi vợ chồng ông, bà chỉ nợ bà N là 66.600.000 đồng, sau đó ông, bà có mượn tiền bà N 10.000.000 đồng thời gian không nhớ, do đó ông, bà xác định chỉ nợ tiền hụi và tiền vay bà N là 76.600.000 đồng.

Ông, bà xác định có thả 03 lần tôm giống cho bà N số tiền 9.000.000 đồng, thời gian không nhớ, ông, bà có sên vuông cho bà N 02 lần vào năm 2021 và năm 2022 với tiền 12.000.000 đồng tiền nhân công, ngoài ra bà N có đối trừ số tiền ông Lê Văn H1, địa chỉ ấp N, xã T, tỉnh Cà Mau trả tiền sên vuông cho ông, bà là 40.000.000 đồng, số tiền này bà N đã nhận. Ông, bà xác định đã trả cho bà N số tiền tổng là 61.000.000 đồng, nay ông, bà yêu cầu bà N đối trừ số tiền đã trả cho bà N là 76.600.000 đồng – 61.000.000 đồng = 15.600.000 đồng. Ông, bà thống nhất trả cho bà N số tiền 15.600.000 đồng.

Ông H xác nhận có ký tên vào biên nhận nợ do lúc đó ông làm Phó bí thư ấp N, bà N là Đảng viên, bà N có cầm biên nhận nợ gặp ông tại nhà bà N yêu cầu ông ký tên, do tin tưởng nên ông không xem lại mà đồng ý ký tên vào biên nhận nợ, ông xác định hiện nay chỉ nợ bà N số tiền 15.600.000 đồng.

Bị đơn bà Đặng Thị L và ông Nguyễn Minh H vắng mặt tại phiên toà nên không có ý kiến trình bày bổ sung.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2026/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466 và khoản 1, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 , khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi thanh toán nợ của bà Đỗ Thị N đối với ông Nguyễn Minh H và bà Đặng Thị L. Buộc ông Nguyễn Minh H và bà Đặng Thị L có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Đỗ Thị N số tiền là 443.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 29/4/2026 ông Nguyễn Minh H và bà Đặng Thị L kháng cáo quá hạn, tại Quyết định số 19/2026 ngày 20/5/2026 của Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau không chấp nhận kháng cáo quá hạn của ông Nguyễn Minh H, chấp nhận kháng cáo quá hạn của bà Đặng Thị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhập một phần yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị L phần án phí sơ thẩm, các phần khác giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm bà Đặng Thị L vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, lý do vợ chồng bà chỉ nợ bà Đỗ Thị N tổng số tiền 15.600.000 đồng. Biên nhận nhận nợ ông Nguyễn Minh H ký tên là do ông H tin tưởng bà N nên ký, không xem nội dung.

[2] Xét kháng cáo của bà Đặng Thị L: Tại phiên toà phúc thẩm phía bà L vẫn xác nhận nội dung như bản án sơ thẩm, hai bên chốt nợ hụi, vợ chồng ông, bà chỉ nợ bà N là 66.600.000 đồng, sau đó ông, bà có mượn tiền bà N 10.000.000 đồng thời gian không nhớ, do đó ông, bà xác định chỉ nợ tiền hụi và tiền vay bà N là 76.600.000 đồng. Đối trừ thả 03 lần tôm giống cho bà N số tiền 9.000.000 đồng, sên vuông cho bà N 02 lần vào năm 2021 và năm 2022 với tiền 12.000.000 đồng tiền nhân công, đối trừ số tiền ông Lê Văn H1, địa chỉ ấp N, xã T, tỉnh Cà Mau trả tiền sên vuông cho ông, bà là 40.000.000 đồng, số tiền này bà N đã nhận. Do đó vợ chồng bà chỉ còn nợ lại bà N tổng số tiền 15.600.000 đồng.

Bà L cho rằng bà chỉ nợ bà N 15.600.000 đồng, nhưng bà L lại cung cấp tài liệu để chứng minh kháng cáo bằng các giấy kẻ karo có nội dung cấn trừ số tiền hụi, tiền mượn và tiền lãi, Bà L và ông H không giải thích được số tiền mượn, tiền vay và tiền lãi là bao nhiêu, không lý giải các con số cụ thể từ bút lục 67 đến 70 xuất phát từ đâu mà có từ việc nợ 66.600.000 đồng đến 393.000.000 đồng. Trong khi đó ông H thừa nhận các khoản nợ tại bút lục số 68 là ông nợ tiền hụi và lãi hụi tổng số tiền 168.800.000 đồng, số nợ tại bút lục số 69 số tiền 238.000.000 đồng là do ông tự ghi, cụ thể từ đoạn số tiền 58.000.000 đồng đến đoạn tổng cộng số tiền 238.000.000 đồng, ông có nợ, nhưng ông vẫn cho rằng lãi 70.000.000 đồng là cao, ông H cũng không biết vì sao tính ra số lãi 70.000.000 đồng, số tiền này bà N tính và ông là người ghi và ông H cho rằng số tiền 238.000.000 đồng tính lên số tiền 393.000.000 đồng, trong số này có số tiền 107.100.000 đồng là tiền lãi, ông H cũng không giải

thích được lãi suất từ khoản tiền nào ra số tiền lãi này vì biên nhận nợ tháng 10/2023 thì theo cách tính lãi là 15 tháng không trùng khớp với biên nhận nợ.

Ông H lý giải ông H viết biên nhận nhận nợ cách ngày tính trong giấy khoản 5 đến 6 tháng sau. Cách lý giải của ông H lại tiếp tục mâu thuẫn với biên nhận nhận nợ của ông vì ông trình bày tại toà ông yêu cầu bà N giải thích cho ông vì sao có số nợ 393.000.000 đồng thì lúc này bà N mới đưa 4 tờ giấy sọc kẻ karo cho ông, thời gian viết giấy là cùng thời điểm ông ký giấy nợ. Như vậy, việc tính lãi như thế nào và số tiền bao nhiêu để có số tiền lãi 107.100.000 đồng thì ông H cũng không giải thích được. Ông H cho rằng bà N tính lãi cao và không đồng ý với việc ông ký biên nhận nhận nợ nhưng từ khi ký biên nhận để nhận nợ từ năm 2023 đến khi bà N khởi kiện thì ông H cũng không tranh chấp hoặc yêu cầu đến cơ quan có thẩm quyền về việc ông ký nhận nợ không đúng.

Bản án sơ thẩm nhận định "…trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không cung cấp được cho Toà án chứng cứ chứng minh có việc trả nợ hoặc đối trừ tiền thả tôm, tiền sên vuông với nguyên đơn, nguyên đơn không thừa nhận có việc trả số tiền nêu trên và vẫn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ 443.000.000 đồng". Tại phiên toà phúc thẩm bị đơn cũng không chứng minh được việc bị đơn nợ là do nguyên đơn tính lãi. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị L.

Đối với yêu cầu của ông H và bà L về án phí sơ thẩm, tại phiên toà sơ thẩm ông H và bà L không có đơn yêu cầu xin miễn án phí sơ thẩm, quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm ông H và bà L nộp đơn xin miễn án phí vì là người cao tuổi. Do ông H và bà L đủ điều kiện được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên chấp nhận kháng cáo, miễn án phí cho ông H và bà L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L cho rằng bà L và ông H đã thanh toán số tiền 61.000.000 đồng cho bà N, đề nghị được đối trừ, như phân tích trên, không chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L.

[3] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị L về phần án phí là có căn cứ, được chấp nhận.

[4] Án phí phúc thẩm: Bà Đặng Thị L được miễn, do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đặng Thị L. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2026/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau.

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466 và khoản 1, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 , khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi thanh toán nợ của bà Đỗ Thị N đối với ông Nguyễn Minh H và bà Đặng Thị L. Buộc ông Nguyễn Minh H và bà Đặng Thị L có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Đỗ Thị N số tiền là 443.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án trường hợp ông H và bà Lý C thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng ông H và bà L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh H và bà Đặng Thị L được miễn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đặng Thị L được miễn.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 5 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Hải Hà

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Huỳnh Văn Yên Đinh Cẩm Đ **Hoàng Thị Hải H2**